

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 31 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đỗ Hồng Tuyền Ngày tháng năm sinh: 06/06/1979
- Chức vụ/chức danh công tác: CUV, Phó Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THPT Xuân Trường B
- Nơi thường trú: Xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 036079025342 ngày cấp 10/5/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Lê Thị Hải Yến Ngày tháng năm sinh: 16/10/1987
- Chức vụ/chức danh công tác: Giáo viên
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THPT Xuân Trường
- Nơi thường trú: Xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 036187001439 ngày cấp 10/5/2021 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Đỗ Minh Khánh Ngày, tháng, năm sinh: 30/8/2010
- Nơi thường trú: Xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 036310009007
ngày cấp: 15/10/2024 nơi cấp: Bộ Công An

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Đỗ Hồng Trang Ngày, tháng, năm sinh: 29/5/2014
- Nơi thường trú: Xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp nơi cấp

3.3. Con thứ ba:

- Họ và tên: Đỗ Nhật Khôi Ngày, tháng, năm sinh: 19/6/2018
- Nơi thường trú: Xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:

Người kê khai ký:



ngày cấp nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Xóm 3, Xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Diện tích⁽⁹⁾: 1.017m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: không xác định được giá trị
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: T604835 mang tên Đỗ Kim Vĩnh (là bố đẻ)
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Hiện đang ở nhờ đất của bố mẹ.

1.1.2. Thửa thứ 2:

- Địa chỉ: Xóm 4, Xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Diện tích: 105m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 300.000.000đ (giá mua năm 2013)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: BV 558462 mang tên Đỗ Hồng Tuyền và Lê Thị Hải Yến
- Thông tin khác (nếu có): Thửa đất số 552, Tờ bản đồ số 7

1.1.3. Thửa thứ 3:

- Địa chỉ: Xã Hải Anh, tỉnh Ninh Bình
- Diện tích: 90m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 940.000.000đ (giá mua năm 2021)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: 036079025342 mang tên Đỗ Hồng Tuyền
- Thông tin khác (nếu có): Thửa đất số 203, Tờ bản đồ số 22

1.1.4. Thửa thứ 4:

- Địa chỉ: Khu đô thị mới phía Nam Sông Đào, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình
- Diện tích: 58,5m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.800.000.000đ (giá mua tháng 1/2025)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: VP627 mang tên Đỗ Hồng Tuyền và Lê Thị Hải Yến
- Thông tin khác (nếu có): Thửa QH số 18, Lô QH số 27

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất: Không

- Loại đất:..... Địa chỉ:

Người kê khai ký:



- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):
- 1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Không
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng:
- 2.1. Nhà ở:
- 2.1.1. Nhà thứ nhất:
- Địa chỉ: Địa chỉ tại: Xóm 3, Xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 120m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 2.000.000.000đ (giá xây dựng năm 2023)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: T604835 mang tên Đỗ Kim Vĩnh
- Thông tin khác (nếu có): Xây dựng trên đất của bố mẹ.
- 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không
- 2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:
- 2.2.1. Công trình thứ nhất: Không
- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):
- 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không
- 3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:
- 3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

Người kê khai ký:



4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: 50 triệu VNĐ (tiền mặt)

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: 01 xe ô tô Mazda 3 Biển số: 18A-189.86 Giá trị: 750 triệu VNĐ, mua năm 2020

- Tên tài sản: 01 xe SH Mode Biển số: 18F1-252.24 Giá trị: 64,5 triệu đồng VNĐ, mua năm 2015

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

Người kê khai ký:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾ (12 tháng) : 560 triệu

- Tổng thu nhập của người kê khai: 395 triệu
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 165 triệu
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không
- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):	+ 58,5m2	1.800.000.000đ	Mua từ tiền thu nhập, tài sản tích góp (vàng, tiền), bố mẹ đẻ cho 4 cây vàng, bố mẹ vợ cho 2 cây vàng và vay người thân 700 triệu.

Người kê khai ký:

6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
		+ 560 triệu	Thu nhập từ lương, các khoản phụ cấp, dạy thêm, thưởng

Ninh Bình, Nam Định, ngày 31 tháng 12 năm 2025.
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TCCB
Phạm Đức Mỹ

Xuân Trường, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Đỗ Hồng Tuyền

Người kê khai ký:

